Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0301.11

Mã HS	0301.11
Mô tả hàng hóa	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:12:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/030111/

6 dòng thuế thuộc 0301.11

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
0301.11.10	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Cá bột	kg/con	22,5%	15%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.11.91	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Loại khác: / - - - - Cá chép Koi (Cyprinus carpio)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.11.92	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Loại khác: / - - - - Cá vàng (Carassius auratus)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.11.93	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Loại khác: / - - - - Cá chọi Thái Lan (Beta splendens)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.11.95	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Loại khác: / - - - - Cá rồng (Scleropages formosus)	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0301.11.99	Cá sống / - Cá cảnh: / - - Cá nước ngọt: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/con	30%	20%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.